

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/01/2020.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 216/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp về Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 560/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2019/QĐST-HPT ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: 22/11 đường N, Phường H, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ liên lạc: C11/15a đường H, xã H, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Lê Thiện T, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: 449/26 đường S, Phường C, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà N, ông T đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2019; Bản tự khai ngày 09/4/2019, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 23/8/2019, nguyên đơn

là bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Lê Thiện T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 98, ngày 28/11/2016).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm. Năm 2018, vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không quan tâm gia đình, không lo cho vợ con, thường xuyên xúc phạm bà và mẹ bà. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài, bà và ông T đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không T. Từ tháng 4/2018, bà và ông T sống ly thân. Nay vợ chồng bà không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thiện T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/3/2018. Bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ Lê Nguyễn Đăng K đến khi trẻ thành niên; không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Theo bản tự khai ngày 14/01/2015 bị đơn là ông Lê Thiện T trình bày: về quan hệ hôn nhân, đồng ý với yêu cầu ly hôn của Bà N; đồng ý giao con chung cho Bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên; ông không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có.

* Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thiện T có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim N và bị đơn là ông Lê Thiện T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thiện T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, Bà N tự thừa nhận vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra bất đồng trong cuộc sống chung, nguyên nhân do ông T không quan tâm gia đình, không lo cho vợ con, thường xuyên xúc phạm Bà N và mẹ bà. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã kéo dài, bà và ông T đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không T. Từ tháng 4/2018, bà và ông T sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng Bà N, ông T tìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông T đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, Bà N và ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Điều đó chứng tỏ các đương sự không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với nhau.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thiện T có 01 con chung tên Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/3/2018 hiện con đang do Bà N chăm sóc, nuôi dưỡng; trong bản tự khai, ông T, Bà N đều thống nhất giao trẻ Lê Nguyễn Đăng K cho Bà N trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà N không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến thống nhất của các đương sự là phù hợp.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng; theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Lê Thiện T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thiện T chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 98, ngày 28/11/2016 tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thiện T không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Kim N trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 27/3/2018 cho đến khi thành niên. Ghi nhận Bà N không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Thiện T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với bà Nguyễn Thị Kim N. Ông Lê Thiện T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của Bà N thì Bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010997 ngày 02/4/2019 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Nguyễn Thị Kim N đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSV A (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

